

Số: /2024/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

[DỤ THẢO]

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 như sau:

“3a. Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1a ban hành kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Bộ quản lý lĩnh vực tổ chức hiệu chỉnh kết quả kiểm kê khí nhà kính theo kết luận của Hội đồng thẩm định, làm cơ sở xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Quy trình thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Đối với các cơ sở không được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, trường hợp thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo hình thức Hội đồng thẩm định được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực trực thuộc (sau đây gọi là cơ quan thẩm định) thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1b ban hành kèm theo Thông tư này và tổ chức hoạt động của Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tư vấn cho cơ quan thẩm định về báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định;

b) Hội đồng thẩm định có số lượng thành viên ít nhất là 07 người, tổng số thành viên phải là số lẻ, trong đó:

Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan thẩm định;

Ủy viên Hội đồng là đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở có liên quan và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp;

Ủy viên thư ký Hội đồng là công chức của cơ quan thẩm định;

c) Ủy viên Hội đồng thẩm định viết phiếu thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1c ban hành kèm theo Thông tư này; chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với kết quả thẩm định; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

d) Chủ tịch Hội đồng thẩm định ngoài trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm c khoản này, còn có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

Triệu tập và điều hành phiên họp của Hội đồng thẩm định;

Xử lý các ý kiến được nêu trong phiên họp; kết luận phiên họp và chịu trách nhiệm về các kết luận của Hội đồng thẩm định;

Ký biên bản phiên họp theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1d ban hành kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của các nội dung ghi trong biên bản phiên họp của Hội đồng thẩm định;

đ) Nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định:

Sự đầy đủ về nội dung, thông tin, dữ liệu kiểm kê khí nhà kính;

Sự phù hợp về việc xác định các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính, phương pháp kiểm kê khí nhà kính, hệ số phát thải áp dụng, phương pháp kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở;

Đánh giá sự chính xác và độ tin cậy của kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở;

Mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030;

Các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở;

Phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

e) Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai. Phiên họp của Hội đồng thẩm định được tiến hành khi có sự hiện diện trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến của tối thiểu hai phần ba số thành viên, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên thư ký; có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền hoặc đại diện được ủy quyền của cơ sở đề nghị thẩm định;

g) Ủy viên Hội đồng thẩm định vắng mặt gửi bản nhận xét trước phiên họp Hội đồng và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng nhưng không viết phiếu thẩm định;

h) Đại biểu tham gia phiên họp Hội đồng thẩm định do cơ quan thẩm định quyết định trong trường hợp cần thiết. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các phiên họp của Hội đồng thẩm định, chịu sự điều hành của người chủ tịch Hội đồng thẩm định, được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

i) Hội đồng thẩm định kết luận theo 01 trong 03 mức độ:

Đồng ý thông qua: khi tất cả thành viên thành viên Hội đồng thẩm định có phiếu thẩm định đồng ý thông qua;

Đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng thẩm định có phiếu thẩm định đồng ý thông qua hoặc đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

Không đồng ý thông qua: khi có trên một phần ba số thành viên Hội đồng thẩm định có phiếu thẩm định không đồng ý thông qua;

k) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được biên bản phiên họp của Hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả thẩm định.

2. Đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, việc thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn đến năm 2027 thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng liên ngành thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (sau đây gọi là Hội đồng liên ngành) theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1đ ban hành kèm theo Thông tư này. Hội đồng liên ngành có trách nhiệm tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; chịu trách nhiệm trước Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về kết quả thẩm định;

b) Hội đồng liên ngành có số lượng thành viên ít nhất là 07 người, tổng số thành viên phải là số lẻ, gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp;

c) Nội dung thẩm định của Hội đồng liên ngành:

Sự đầy đủ về nội dung, thông tin, dữ liệu kiểm kê khí nhà kính;

Sự phù hợp về việc xác định các nguồn phát thải, bề hấp thụ khí nhà kính, phương pháp kiểm kê khí nhà kính, hệ số phát thải áp dụng, phương pháp kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở;

Đánh giá sự chính xác và độ tin cậy của kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở;

Mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030;

Các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở;

Phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

d) Ủy viên Hội đồng liên ngành viết phiếu thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1e ban hành kèm theo Thông tư này; chịu trách nhiệm trước Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với kết quả thẩm định; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

đ) Biên bản phiên họp của Hội đồng liên ngành theo mẫu quy định tại Phụ lục II.1g ban hành kèm theo Thông tư này. Hội đồng liên ngành kết luận theo 01 trong 03 mức độ:

Đồng ý thông qua: khi tất cả thành viên thành viên Hội đồng liên ngành có phiếu thẩm định đồng ý thông qua;

Đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng liên ngành có phiếu thẩm định đồng ý thông qua hoặc đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

Không đồng ý thông qua: khi có trên một phần ba số thành viên Hội đồng liên ngành có phiếu thẩm định không đồng ý thông qua.

3. Đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, việc thẩm định báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2027 trở đi do đơn vị thẩm định quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy trình như sau:

a) Đơn vị thẩm định lập báo cáo thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. Báo cáo thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và báo cáo thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo mẫu quy định tại Phụ lục II.3 và Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, đơn vị thẩm định chịu trách nhiệm trước Bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về nội dung, kết quả thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở; có trách nhiệm ký, đóng dấu báo cáo thẩm định theo quy định;

c) Cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được thẩm định đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo bắt đầu từ năm 2027;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được thẩm định kèm báo cáo thẩm định, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá, công nhận báo cáo thẩm định của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.”

3. Bổ sung Điều 14a sau Điều 14, cụ thể như sau:

“Điều 14a. Mẫu văn bản thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

Các mẫu văn bản thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài bao gồm:

1. Đơn đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đăng ký phương pháp luận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Điều chỉnh phương pháp luận đã phê duyệt theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tài liệu đề xuất ý tưởng dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.4 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Tài liệu thiết kế dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.5 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.6 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Phương thức liên lạc theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.7 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Đề xuất tỷ lệ phân bổ tín chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.8 kèm theo Thông tư này.

9. Báo cáo thẩm định dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.9 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Rút đăng ký dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.10 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Rút khỏi dự án thuộc cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.11 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Đơn đề nghị cấp tín chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.12 ban hành kèm theo Thông tư này.

13. Báo cáo giám sát dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.13 ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.14 ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Báo cáo thực hiện Kế hoạch phát triển bền vững của dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.15 ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Báo cáo tình hình thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục IIa.16 ban hành kèm theo Thông tư này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Hướng dẫn sử dụng các chất được kiểm soát

1. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát tuân thủ biện pháp quản lý và thời hạn áp dụng đối với từng chất được kiểm soát quy định tại Phụ lục III.2 và Phụ lục III.3 ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đăng ký sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát;

b) Sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát theo giấy phép hoặc hạn ngạch được phân bổ, điều chỉnh, bổ sung do cơ quan quản lý chuyên ngành cấp;

c) Ghi rõ thông tin mô tả từng chất khi thực hiện nhập khẩu đối với các chất được kiểm soát có cùng mã HS;

d) Có trách nhiệm báo cáo theo quy định và phối hợp, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát phải tuân thủ quy định quản lý tại Phụ lục III.4 ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đăng ký sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát;

b) Ghi rõ thông tin mô tả hàng hoá về chất được kiểm soát có chứa trong sản phẩm, hàng hoá, thiết bị khi thực hiện thủ tục nhập khẩu;

c) Có trách nhiệm báo cáo theo quy định và phối hợp, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý;

d) Có kế hoạch phù hợp để thay thế, loại bỏ các chất được kiểm soát tuân thủ lộ trình quản lý các chất được kiểm soát theo lĩnh vực sử dụng quy định tại Phụ lục III.5 ban hành kèm theo Thông tư này.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa các chất được kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP phải có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề thuộc một trong các ngành, nghề sau:

- a) Công nghệ kỹ thuật nhiệt;
- b) Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà;
- c) Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí;
- d) Lắp đặt thiết bị lạnh;
- đ) Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt;
- e) Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- g) Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh;
- h) Cơ điện lạnh thuỷ sản;
- i) Cơ điện nông thôn;
- k) Công nghệ ô-tô.”

5. Thay thế Phụ lục II.2 quy định mẫu báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở.

6. Sửa đổi mã hàng hóa (HS) 3827.32.00 tại Phụ lục III.1 quy định danh mục các chất được kiểm soát cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ như sau:

Mã hàng hóa (HS)	Mã hóa chất (CAS)	Mô tả hàng hóa	Tiền tố và ký hiệu	Tên hóa học	Công thức hóa học	Số hiệu môi chất lạnh	Tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP)*	Tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP)**
3827.32.00		HCFC-141b trộn sẵn trong polyol ***	HCFC-141b trộn sẵn trong polyol	HCFC-141b pre-blended polyol				

7. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III.4 quy định danh mục các sản phẩm, thiết bị hàng hóa có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Ủy ban: KHCN&MT, KT, PL của QH;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- Lưu VT, PC, BDKH.

BỘ TRƯỞNG

Đặng Quốc Khánh